TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 4 - 2022
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Lan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Công Gia**

2. Ông **Đinh Tuấn Đạt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Xuân Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Anh –** Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc: "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn K**, sinh năm 1990

HKTT: ấp NN, xã TT, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: O, KDC LH, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Chị **Loọc Mỹ O**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu X, thị trấn TP, huyện TP, Đồng Nai.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh K (anh K có đơn xin vắng mặt), chị O triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2022, lời khai trong quá trình tố tụng ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Văn K thể hiện:

Anh và chị Loọc Mỹ O kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/07/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã T, thị xã TC, tỉnh An Giang và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2016. Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 12/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do, anh nghi ngờ chị O có mối quan hệ với người đàn ông khác. Do đó, vợ chồng thường hay cãi nhau và sống không hạnh phúc. Từ tháng 12/2019 đến nay, anh và chị O không sống chung, không quan tâm chăm sóc nhau. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh

yêu cầu được ly hôn với chị O.

- Về con chung: Anh trình bày anh và chị O không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh K kê khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý cho chị O (có ông Loọc A P cha ruột nhận thay). Chị O đã biết được việc anh K xin ly hôn với chị nhưng không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành tống đạt giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị O nhưng chị không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh K đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân của nguyên đơn (bản sao); sổ hộ khẩu của nguyên đơn (Bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Bản tự khai của nguyên đơn; đơn xác nhận hộ khẩu bị đơn; đơn yêu cầu vắng mặt.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại địa phương của các đương sự ngày 01/3/2022; Biên bản lấy lời khai của anh K ngày 18/02/2022. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh K được ly hôn chị O.

+ Về con chung: Không có nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

+ Về án phí: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, anh K vắng mặt do anh có đơn xin vắng mặt, chị O được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Chị O có nơi cư trú tại khu X, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ

án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Anh K yêu cầu ly hôn, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 11/02/2022, anh K khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị O. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh K là nguyên đơn, chị O là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Nguyên đơn anh Trần Văn K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Loọc Mỹ O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh K và chị O là hợp pháp được Uỷ ban nhân dân xã T, thị xã TC, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/7/2016. Anh K có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật hôn nhân và gia đình quy định.

Xét lời khai của anh K và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên anh K yêu cầu ly hôn với chị O.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng anh K, chị O không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và hiện nay vợ chồng không có cơ hội để hàn gắn tình cảm.

Bản thân chị O đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị O vẫn không đến tòa làm việc, thể hiện chị O không mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

Như vậy, có căn cứ xác định anh K, chị O đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K, cho anh K được ly hôn với chị O.

[2.2]. Về con chung: Anh K trình bày anh và chị O không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Do trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị O về yêu cầu này vì vậy khi nào chị O có yêu cầu về chia tài sản hay nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Anh K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn K.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn K được ly hôn chị Loọc Mỹ O.

- Về con chung: Không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: Anh K phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh K đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002317 ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn K và chị Loọc Mỹ O có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T, thị xã TC, tỉnh An Giang (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 43/2016, ngày 18/7/2016);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan